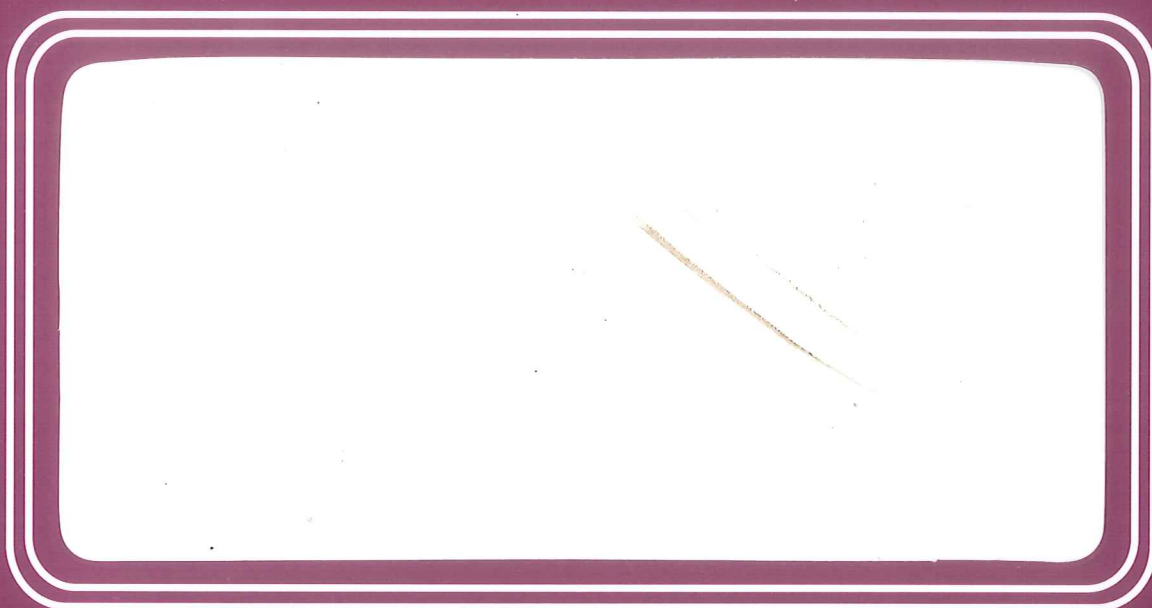


**AAT SERVICES CO., LTD.**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT  
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

**Trụ sở chính:**

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội

VPGD: P1501 - 17T5 - Đường Hoàng Đạo Thúy - TP. Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: [info@aat.com.vn](mailto:info@aat.com.vn) - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189 - Email: [aat-hcm@aat.com.vn](mailto:aat-hcm@aat.com.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*kèm theo*

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	3-5
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	6-7
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	8-26
Bảng cân đối kế toán	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14-26

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 103/2005/QĐ-UB ngày 15 tháng 07 năm 2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/04/2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19/02/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19 tháng 02 năm 2014, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng công trình công ích; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Lắp đặt hệ thống điện; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất xe có động cơ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: hoạt động trang trí nội thất; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Đại lý;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: bán buôn hoa và cây; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Thu gom rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý và tiêu thụ rác thải độc hại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình), quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh bất động sản; kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện, công trình dân dụng, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lập dự án đầu tư xây dựng công

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

trình( không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình), Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như: Quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý công viên, cây xanh, chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước, quản lý chung cư; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106190 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19 tháng 02 năm 2014 của Công ty là 168.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 271.148.168 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.272.199.531 VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông : Nguyễn Quốc Đảm	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Hoàng Quốc Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Đỗ Khắc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán & Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

**Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội**

đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Quốc Đảm**

Số : 53 /2014/BCKT-TC/AAT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, được trình bày từ trang 08 đến trang 26 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

### CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Phó Giám đốc



**Nguyễn Xuân Hòa**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 0909-2013-141-1

Kiểm toán viên

**Nguyễn Đại Hùng**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 1000-2013-141-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.031.374.678</b>	<b>8.823.295.646</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.853.394.955	8.818.712.302
- Nguyên giá	222		23.112.781.776	26.821.047.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.259.386.821)	(18.002.335.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	4.583.344
- Nguyên giá	228		-	33.452.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(28.869.037)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	20.177.979.723	20.321.606.264
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>16.758.600.000</b>	<b>14.758.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16.000.000.000	14.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		758.600.000	758.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>132.110.327.501</b>	<b>132.566.082.358</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23.344.675.465</b>	<b>23.965.819.684</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.344.675.465</b>	<b>23.965.819.684</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả người bán	312		1.516.286.223	2.418.375.723
3. Người mua trả tiền trước	313		2.284.706.651	3.876.621.127
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	11.751.531	1.816.133.736
5. Phải trả người lao động	315		956.889.161	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		18.399.235.648	15.846.362.303
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	143.576.617	8.326.795.
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.229.634	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.33	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>108.765.652.036</b>	<b>108.600.262.674</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>108.765.652.036</b>	<b>108.600.262.674</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.895.454.877	34.895.454.877
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		955.908.748	955.908.748
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		692.894.586	665.779.769
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		467.210.322	453.652.914
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.272.199.531	5.147.482.394
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		66.481.983.972	66.481.983.972
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>132.110.327.501</b>	<b>132.566.082.358</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		V.24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
USD			1.033,75	775,80.
EUR			369,90	391,74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập

Nguyễn Tiến Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đảm

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.25	66.143.530.681	72.265.296.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	66.143.530.681	72.265.296.700
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	60.136.837.970	68.483.275.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.006.692.711	3.782.020.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.499.444.515	3.666.401.246
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	18.800.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.800.000	-
8. Chi phí bán hàng	24		531.706.438	742.462.708
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.077.625.503	7.721.293.409
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(121.994.715)	(1.015.334.158)
11. Thu nhập khác	31		3.279.762.377	2.232.209.525
12. Chi phí khác	32		2.796.236.771	787.917.241
13. Lợi nhuận khác	40		483.525.606	1.444.292.284
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		361.530.891	428.958.126
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	90.382.723	177.704.740
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>271.148.168</b>	<b>251.253.386</b>

Người lập



Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Ngọc



Nguyễn Quốc Đảm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64.493.871.355	66.169.287.426
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(62.802.807.789)	(54.850.538.599)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.707.917.200)	(9.718.693.631)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18.800.000)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(631.618.819)	(103.891.867)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.231.609.912	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.619.373.168)	(500.879.003)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.055.035.709)</b>	<b>995.284.326</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.697.273)	(705.828.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.169.091.439	42.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	(4.661.129.580)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.499.444.515	3.666.401.246
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.142.838.681</b>	<b>(1.657.829.243)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.800.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.800.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.087.802.972</b>	<b>(662.544.917)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.253.058.313</b>	<b>5.915.603.230</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>8.340.861.285</b>	<b>5.253.058.313</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập



Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Công trình là Công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 103/2005/QĐ-UB ngày 15 tháng 07 năm 2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/04/2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19/02/2014.

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106190 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19 tháng 02 năm 2014 của Công ty là: 168.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây dựng, dịch vụ thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Lắp đặt hệ thống điện; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất xe có động cơ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: hoạt động trang trí nội thất; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Đại lý;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: bán buôn hoa và cây; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Thu gom rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình), quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh bất động sản; kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện, công trình dân dụng, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình), Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như: Quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý công viên, cây xanh, chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước, quản lý chung cư; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

## II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### 4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại Công ty có mở tài khoản công bố vào ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

### a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2012/TT-BTC ngày 25/4/2013, thời gian khấu hao được ước tính như sau:



- Nhà cửa, vật kiến trúc	4-50 năm
- Máy móc thiết bị	5-12 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-10 năm

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "các khoản tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn đến 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư cổ phiếu và góp vốn dài hạn được kế toán theo nguyên tắc giá gốc. Tại thời điểm 31/12/2013, việc xem xét trích lập dự phòng với các khoản đầu tư này được dựa trên cơ sở tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhận góp vốn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách đáng tin cậy;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thoả mãn hai (2) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy không kể có thể được hoàn trả hay không.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **12. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

##### *a) Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

##### *b) Lập dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	159.757.846	1.823.403.689
Tiền gửi ngân hàng	8.181.103.439	3.429.654.624
Tiền gửi VND	8.149.155.969	3.397.140.870
- Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội	5.037.559.894	2.345.628.855
- Ngân hàng Công thương Hoàn Kiếm	56.568.347	2.977.193
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Tây Hồ	9.747.522	2.015.813
- Ngân hàng Công thương Nam Thăng Long	33.341.892	614.446.632
- Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội	81.378.807	103.283.706
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hoàn Kiếm	2.686.542.204	290.202.011
- Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Hà Nội	244.017.303	38.586.660
Tiền gửi ngoại tệ	31.947.470	32.513.754
- Tiền gửi USD Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội	7.171.990	7.447.117
- Tiền gửi USD Ngân hàng Công thương Hoàn Kiếm	6.116.789	6.116.789
- Tiền gửi EUR Ngân hàng ngoại thương Hà Nội	10.214.931	10.513.466
- Tiền gửi USD Ngân hàng Công thương Nam Thăng Long	6.279.522	6.272.144
- Tiền gửi USD Ngân hàng An Bình- CN Hà Nội	2.113.209	2.113.209
- Ngân hàng USD Ngân hàng Quân đội- CN Hoàn Kiếm	51.029	51.029
<b>Cộng</b>	<b>8.340.861.285</b>	<b>5.253.058.313</b>

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư ngắn hạn khác	13.000.000.000	23.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000.000	23.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>23.500.000.000</b>

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác	2.465.271.984	2.291.108.985
Dự án Nhà máy rác	688.027.643	528.555.602
Phải tạm ứng của người lao động	596.219.518	596.218.518
BH người lao động	25.665.479	10.975.521
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.155.359.344	1.155.359.344
<b>Cộng</b>	<b>2.465.271.984</b>	<b>2.291.108.985</b>

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu	623.528.566	491.720.922
Công cụ, dụng cụ	77.781.577	87.435.828
Chi phí SXKD dở dang	11.522.300.896	8.933.029.054
Thành phẩm	2.231.961.229	2.629.676.342
Hàng hóa	3.138.105.447	4.907.251.651
Hàng gửi bán	107.109.546	-
<b>Cộng</b>	<b>17.700.787.261</b>	<b>17.049.113.797</b>

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.721.704	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	81.641.740	-
<b>Cộng</b>	<b>483.363.444</b>	<b>-</b>

6. PHẢI THU DÀI HẠN NỘI BỘ

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	9.223.634.693	7.017.311.508	7.606.686.687	2.973.414.935	<b>26.821.047.823</b>
Tăng trong năm	-	-	25.697.273	-	25.697.273
- Tăng khác			25.697.273		25.697.273
Giảm trong năm	66.093.224	107.277.922	2.427.655.932	1.132.936.242	3.733.963.320
- Chuyên sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	22.596.780	2.427.655.932	-	2.450.252.712
- Giảm khác	66.093.224	84.681.142	-	1.132.936.242	1.283.710.608
Số dư cuối năm	9.157.541.469	6.910.033.586	5.204.728.028	1.840.478.693	<b>23.112.781.776</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.715.801.082	6.870.260.737	3.848.740.892	2.567.532.810	<b>18.002.335.521</b>
Tăng trong năm	659.835.669	63.009.497	826.303.610	114.694.604	<b>1.663.843.380</b>
- Số khấu hao trong năm	659.835.669	63.009.497	826.303.610	114.694.604	<b>1.663.843.380</b>
Giảm trong năm	58.789.959	106.016.712	1.183.012.989	1.058.972.420	2.406.792.080
- Chuyên sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	58.789.959	22.596.780	1.183.012.989	1.058.972.420	<b>1.205.609.769</b>
- Giảm khác		83.419.932	-		<b>83.419.932</b>
Số dư cuối năm	5.316.846.792	6.827.253.522	3.492.031.513	1.623.254.994	<b>17.259.386.821</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	4.507.833.611	147.050.771	3.757.945.795	405.882.125	<b>8.818.712.302</b>
2. Tại ngày cuối năm	3.840.694.677	82.780.064	1.712.696.515	217.223.699	<b>5.853.394.955</b>

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	16.952.381	16.500.000	33.452.381
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	16.952.381	16.500.000	-
- Giảm khác	-	16.952.381	16.500.000	33.452.381
Số dư cuối năm	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	16.952.381	7.333.328	24.285.709
Tăng trong năm	-	-	1.909.720	1.909.720
- Số khấu hao trong kỳ	-	-	1.909.720	1.909.720
Giảm trong năm	-	16.952.381	9.243.048	-
- Giảm khác	-	16.952.381	9.243.048	26.195.429
Số dư cuối năm	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	9.166.672	9.166.672
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án Nhà máy rác	17.617.722.631	17.761.349.172
- Chung cư Sài Đồng	1.215.466.183	1.215.466.183
- Dự án tái chế phế thải xây dựng	1.289.790.909	1.289.790.909
- Đường bao phía đông công viên Yên Sở	55.000.000	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.177.979.723</b>	<b>20.321.606.264</b>

**11 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**12 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.600.000	16.000.000.000	1.400.000	14.000.000.000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	1.600.000	16.000.000.000	1.400.000	14.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	75.860	758.600.000	75.860	758.600.000
Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Sông Hồng (tỷ lệ sở hữu 14,76%)	75.860	758.600.000	75.860	758.600.000

**13 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Nhà máy rác	2.763.785.732	2.763.785.732
<b>Cộng</b>	<b>2.763.785.732</b>	<b>2.763.785.732</b>

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập cá nhân	11.751.531	11.985.094
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.664.634.250
	<b>11.751.531</b>	<b>1.816.133.736</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	111.349.438	-
Bảo hiểm y tế	20.878.059	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.279.120	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.070.000	8.326.795
<b>Cộng</b>	<b>143.576.617</b>	<b>8.326.795</b>

**19 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

**20 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

**21 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	34.895.454.877	955.908.748	612.468.347	426.997.203	5.082.818.985	41.973.648.160
Tăng năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	251.253.386	251.253.386
Tăng khác	-	53.311.422	-	26.655.711	-	79.967.133
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	186.589.977	186.589.977
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>34.895.454.877</b>	<b>955.908.748</b>	<b>665.779.769</b>	<b>453.652.914</b>	<b>5.147.482.394</b>	<b>42.118.278.702</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	271.148.168	271.148.168
Tăng khác	-	27.114.817	-	13.557.408	-	40.672.225
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	146.431.031	146.431.031
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.895.454.877</b>	<b>955.908.748</b>	<b>692.894.586</b>	<b>467.210.322</b>	<b>5.272.199.531</b>	<b>42.283.668.064</b>



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	34.895.454.877	34.895.454.877
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.895.454.877</b>	<b>34.895.454.877</b>

**c) Các quỹ của Công ty**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Quỹ dự phòng tài chính	692.894.586	665.779.769
- Quỹ đầu tư phát triển	955.908.748	955.908.748
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	467.210.322	453.652.914

**23 . NGUỒN KINH PHÍ**

**24 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI**

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa	18.449.704.776	23.262.225.695
Doanh thu cung cấp dịch vụ	229.836.529	741.807.046
Doanh thu hợp đồng xây dựng	47.463.989.376	48.261.263.959
<b>Cộng</b>	<b>66.143.530.681</b>	<b>72.265.296.700</b>

**26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

**27 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	18.449.704.776	23.262.225.695
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	229.836.529	741.807.046
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	47.463.989.376	48.261.263.959
<b>Cộng</b>	<b>66.143.530.681</b>	<b>72.265.296.700</b>

**28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa	18.334.901.713	23.574.575.159
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.029.397	3.840.042
Giá vốn hợp đồng xây dựng	41.731.906.860	44.904.860.786
<b>Cộng</b>	<b>60.136.837.970</b>	<b>68.483.275.987</b>

**29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.499.444.515	3.666.401.246
<b>Cộng</b>	<b>1.499.444.515</b>	<b>3.666.401.246</b>

**30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	18.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.800.000</b>	<b>-</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	361.530.891	428.958.126
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	281.860.832
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	361.530.891	710.818.958
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>90.382.723</b>	<b>177.704.740</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**VIII. Những thông tin khác**

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . Thông tin về các bên liên quan

a . *Giao dịch các bên liên quan*

b . *Thù lao chi trả trong năm cho Ban Giám đốc*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc, kiểm soát viên	822.403.354	581.284.926
<b>Cộng</b>	<b>822.403.354</b>	<b>581.284.926</b>

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Việt Nam).

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Ngọc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đảm